TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** Bản án số: 07/2019/HNGĐ - ST Ngày 04/4/2019. (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, bà Hoàng Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Ông Hứa Công Nguyên –Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Chu Thị Khánh L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tiểu Khu 19, thị trấn H, huyện M, tỉnh S.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N.

Anh T hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N.

Chị L và anh T đều vắng mặt, cả hai người đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Chu Thị Khánh L trình bày: Giữa chị L và anh Nguyễn Hữu T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 22/02/2017 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới chị L và anh T về chung sống với nhau tại thôn K xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng trái ngược nhau, bất đồng trong quan điểm sống, lối sống. Đồng thời bản thân anh T mải chơi, có biểu hiện cờ bạc, nghiện hút dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, khó khăn nên dù vợ chồng tôi đã cho nhau nhiều cơ hội khắc phục mâu thuẫn nhưng chúng tôi vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Đến tháng 9/2017 thì tôi đã trở về quê ở Tiểu khu 19, thị trấn H, huyện M, tỉnh S sinh sống, kể từ đó đến nay chúng tôi sống ly thân

hoàn toàn không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Chị L thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung, theo chị Linh khai vợ chồng có 01 con chung, cháu là Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/11/2017, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Nguyễn Anh T ở với tôi. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng và hiện nay tôi không có thai. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Anh T cho tôi tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T phải đóng góp tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung. Chị L không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ này.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2019, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bầy: Việc kết hôn giữa anh và chị Chu Thị Khánh L đúng như chị L trình bày nêu trên. Anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tình cảm không còn nay chị L có đơn xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T trình bầy vợ chồng có 01 con chung, cháu là Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/11/2017, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Nguyễn Anh T ở với chị L. Khi vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh T.

Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng, anh T khai vợ chồng không có tài sản và công nợ chung, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết mối quan hệ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ: Thôn K, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn cùng vắng mặt lần thứ nhất tại phiên tòa nhưng có lý do chính đáng vì đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Chu Thị Khánh L và anh Nguyễn Hữu T là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn K xã G, huyện G, tỉnh N . Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách hai vợ chồng trái ngược nhau, bất đồng trong quan điểm sống, lối sống. Đồng thời bản thân anh T

mải chơi, có biểu hiện cờ bạc, nghiện hút dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Đến tháng 9/2017 thì chị L đã trở về quê ở Tiểu khu 19, thị trấn H, huyện M, tỉnh S sinh sống, kể từ đó đến nay hai người sống ly thân hoàn toàn không còn quan tâm, liên lạc gì đến nhau. Bản thân anh Tuấn chỉ đến làm việc một lần và có bản tự khai, còn đều vắng mặt khi Tòa án tổ chức hòa giải dù được triệu tập hợp lệ, chứng tỏ anh Tuấn cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, đồng thời anh Tuấn cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Chu Thị Khánh L và anh Nguyễn Hữu T đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Khánh L xử cho chị Chu Thị Khánh L được ly hôn anh Nguyễn Hữu T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị Khánh L và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung, cháu là Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/11/2017, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Nguyễn Anh T ở với chị L rất tốt. bản thân chị L tuy là lao động tự do nhưng có thu nhập ổn định có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Đồng thời anh Nguyễn Hữu T cũng đồng ý khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Anh T cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó cần giao cháu Nguyễn Anh T cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là thỏa đáng. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị Linh không yêu cầu là tự nguyện nên cần chấp nhận, không buộc anh Tuấn phải đóng góp tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các bên đương sự đều thừa nhận không có tài sản chung, công nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị Khánh L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,:

1. Xử cho chị Chu Thị Khánh L được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Thị Khánh L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 17/11/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Chu Thị Khánh L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Linh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001163 ngày 27/12/2018.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- Chi cục THADS G;
- VKS huyện G;
- Toà án tỉnh N;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC